Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8463.10.20

Mã HS	8463.10.20
Mô tả hàng hóa	Máy công cụ khác để gia công kim loại hoặc gốm kim loại, không cần bóc tách vật liệu / - Máy kéo thanh, ống, hình, dây hoặc loại tương tự: / - - Không hoạt động bằng điện
Đơn vị	chiếc/bộ
Thời điểm tạo	09/11/2026 09:18:09
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84631020/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K14218
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N14218
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q14218
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E13553
ATIGA	2022	2022	0	AT!E13494
ATIGA	2023	2023	0	AT!F13494
ATIGA	2024	2024	0	AT!G13494
ATIGA	2025	2025	0	AT!H13494
ATIGA	2026	2026	0	AT!I13494
ATIGA	2027	2027	0	AT!J13494
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E13548
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F13548

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G13548
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H13548
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I13548
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J13548
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E13549
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F13549
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G13549
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H13549
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I13549
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J13549
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F13552
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H13500
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F13508
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G13508
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H13508
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I13508
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J13508
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K13508
VKFTA	2022	2022	0	VK!E13539
VKFTA	2023	2023	0	VK!F13539
VKFTA	2024	2024	0	VK!G13539
VKFTA	2025	2025	0	VK!H13539
VKFTA	2026	2026	0	VK!I13539
VKFTA	2027	2027	0	VK!J13539
VCFTA	2022	2022	0	VC!D13588
VCFTA	2023	2023	0	VC!E13588

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F13588
VCFTA	2025	2025	0	VC!G13588
VCFTA	2026	2026	0	VC!H13588
VCFTA	2027	2027	0	VC!I13588
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D13571
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E13571
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F13571
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G13571
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H13571
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I13571
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D13571
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E13571
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F13571
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G13571
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H13571
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I13571
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D13586
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E13586
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F13586
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G13586
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H13586
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I13586
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D13585
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E13585
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F13585
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G13585

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H13585
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I13585
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D13565
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E13565
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F13565
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G13565
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H13565
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I13565
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J13565
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D13573
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E13573
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F13573
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G13573
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H13573
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I13573
RCEP B	2022	2022	0	B!D13573
RCEP B	2023	2023	0	B!E13573
RCEP B	2024	2024	0	B!F13573
RCEP B	2025	2025	0	B!G13573
RCEP B	2026	2026	0	B!H13573
RCEP B	2027	2027	0	B!I13573
RCEP C	2022	2022	0	C!D13573
RCEP C	2023	2023	0	C!E13573
RCEP C	2024	2024	0	C!F13573
RCEP C	2025	2025	0	C!G13573
RCEP C	2026	2026	0	C!H13573

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I13573
RCEP D	2022	2022	0	D!D13572
RCEP D	2023	2023	0	D!E13572
RCEP D	2024	2024	0	D!F13572
RCEP D	2025	2025	0	D!G13572
RCEP D	2026	2026	0	D!H13572
RCEP D	2027	2027	0	D!I13572
RCEP E	2022	2022	0	E!D13576
RCEP E	2023	2023	0	E!E13576
RCEP E	2024	2024	0	E!F13576
RCEP E	2025	2025	0	E!G13576
RCEP E	2026	2026	0	E!H13576
RCEP E	2027	2027	0	E!I13576
RCEP F	2022	2022	0	F!D13573
RCEP F	2023	2023	0	F!E13573
RCEP F	2024	2024	0	F!F13573
RCEP F	2025	2025	0	F!G13573
RCEP F	2026	2026	0	F!H13573
RCEP F	2027	2027	0	F!I13573
VIFTA	2024	2024	0	VI!F12596
VIFTA	2025	2025	0	VI!G12596
VIFTA	2026	2026	0	VI!H12596
VIFTA	2027	2027	0	VI!I12596

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8463.10 có 2 dòng thuế; dòng 8463.10.20 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Không hoạt động bằng điện.	8463.10.10 Hoạt động bằng điện	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8463.10.20. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8463.10.20 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N14218), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.